

Bài 1: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG.

- Câu 1:** Hệ thống các quy tắc xử sự chung do nhà nước ban hành và được đảm bảo thực hiện bằng quyền lực của nhà nước đề cập đến khái niệm nào sau đây?
- Tín ngưỡng.
 - Đạo đức.
 - Tập quán.
 - Pháp luật.
- Câu 2:** Mỗi Nhà nước cần phải xây dựng và ban hành pháp luật nhằm mục đích gì?
- Quản lí một cá nhân xã hội.
 - Trừng trị tội phạm.
 - Quản lý xã hội.
 - Hoạt động có hiệu quả .
- Câu 3:** Bất kì ai ở trong điều kiện, hoàn cảnh nhất định cũng phải xử sự theo khuôn mẫu được pháp luật quy định sẽ tạo nên
- quyền lực của pháp luật.
 - giá trị công bằng, bình đẳng của pháp luật.
 - chặt chẽ về mặt hình thức của pháp luật.
 - tinh thần thượng tôn pháp luật.
- Câu 4:** Pháp luật được đảm bảo thực hiện bằng
- quyền lực chính trị.
 - quyền lực kinh tế.
 - quyền lực xã hội.
 - quyền lực nhà nước.
- Câu 5:** Pháp luật bắt buộc đối với ai trong xã hội?
- Đối với mọi cá nhân, tổ chức.
 - Đối với tội phạm.
 - Đối với những người có thẩm quyền.
 - Đối với mọi tổ chức xã hội.
- Câu 6:** Pháp luật nước ta mang bản chất của giai cấp nào?
- Công nhân.
 - Nhân dân lao động.
 - Giai cấp tư sản.
 - Tầng lớp trí thức.
- Câu 7:** Bản chất giai cấp là biểu hiện của
- pháp luật Tư sản.
 - pháp luật Xã hội chủ nghĩa.
 - pháp luật trong xã hội Phong Kiến.
 - bất kì kiểu pháp luật nào.
- Câu 8:** Các hành vi xử sự của cá nhân, tổ chức, cộng đồng dân cư phù hợp với những quy định của pháp luật sẽ làm cho
- xã hội phồn vinh.
 - xã hội phát triển trong vòng trật tự, ổn định.
 - đất nước phát triển bền vững.
 - các cá nhân có cuộc sống hạnh phúc.

Câu 9: Bản chất giai cấp của pháp luật thể hiện ở nội dung nào sau đây?

- A. Pháp luật đảm bảo ý chí của giai cấp thống trị.
- B. Pháp luật do Nhà nước ban hành, phù hợp với ý chí của giai cấp cầm quyền.
- C. Pháp luật bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị.
- D. Pháp luật bảo vệ những cá nhân có thẩm quyền.

Câu 10: Hiến pháp và Luật do tổ chức nào dưới đây ban hành?

- A. Quốc hội.
- B. Chính quyền.
- C. Đoàn thanh niên.
- D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Câu 11: Một trong những đặc trưng của pháp luật thể hiện ở

- A. tính dân tộc.
- B. tính hiện đại.
- C. tính xã hội.
- D. tính quyền lực, bắt buộc chung.

Câu 12: Trong quá trình xây dựng pháp luật, những quy phạm đạo đức nào dưới đây sẽ được đưa vào trong các quy phạm pháp luật?

- A. có tính quy phạm phổ biến.
- B. có tính phù hợp.
- C. có tính dân chủ.
- D. có tính rộng rãi.

Câu 13: Đối với các xử sự của mọi người trong những hoàn cảnh, điều kiện như nhau thì pháp luật sẽ là

- A. quy tắc bắt buộc.
- B. công cụ hữu hiệu.
- C. quy tắc xã hội.
- D. khuôn mẫu chung.

Câu 14: Pháp luật là phương tiện để Nhà nước

- A. đem lại sự bình đẳng cho các thành viên trong xã hội.
- B. ổn định các mối quan hệ trong xã hội.
- C. nâng cao đời sống tinh thần.
- D. quản lý xã hội.

Câu 15: Để quản lý xã hội, Nhà nước cần sử dụng phương tiện quan trọng nhất nào dưới đây?

- A. Pháp luật.
- B. Giáo dục.
- C. Thuyết phục.
- D. Tuyên truyền.

Câu 16: Quản lý xã hội bằng pháp luật là phương pháp quản lý

- A. dân chủ và hiệu quả nhất.
- B. an toàn nhất.
- C. có uy tín nhất.
- D. công bằng nhất.

Câu 17: Pháp luật quy định về những việc được làm, việc phải làm và những việc

- A. sẽ làm.
- B. không nên làm.
- C. cần làm.
- D. không được làm.

Câu 18: Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ

- A. quyền, lợi ích hợp pháp.
- B. lợi ích trong lĩnh vực kinh tế.
- C. các quyền dân chủ cơ bản.
- D. quyền tự do đi lại.

Câu 19: Nội dung cơ bản của pháp luật bao gồm

- A. Các chuẩn mực thuộc về đời sống tinh thần, tình cảm của con người.
- B. Quy định các hành vi không được làm.
- C. Quy định các bổn phận của công dân.
- D. Các quy tắc xử sự (việc được làm, việc phải làm, việc không được làm).

Câu 20: Pháp luật được đảm bảo thực hiện bằng

- A. quyền lực chính trị.
- B. quyền lực kinh tế.
- C. quyền lực nhà nước.
- D. quyền lực xã hội.

Câu 21: Pháp luật là phương tiện đặc thù để thể hiện và bảo vệ các giá trị đạo đứclà thể hiện mối quan hệ nào dưới đây?

- A. Pháp luật với chính trị.
- B. Pháp luật với các chính sách của Nhà nước.
- C. Giữa pháp luật với đạo đức.
- D. Pháp luật với gia đình.

Câu 22: Pháp luật mang bản chất xã hội, vì pháp luật

- A. đứng trên xã hội.
- B. bắt nguồn từ thực tiễn.
- C. đại diện cho giai cấp Tư sản.
- D. đại diện cho giai cấp công nhân.

Câu 23: Pháp luật **không** quy định về những việc nào dưới đây?

- A. Được làm.
- B. Phải làm.
- C. Không được làm.
- D. Nên làm.

Câu 24: Khi đã trở thành nội dung của các quy phạm pháp luật thì các giá trị đạo đức không chỉ được tuân thủ bằng niềm tin, lương tâm của cá nhân mà còn được

- A. lan tỏa trong phạm vi rộng.
- B. giữ gìn, kế thừa, phát huy.
- C. Nhà nước đảm bảo thực hiện bằng sức mạnh quyền lực nhà nước.
- D. mọi công dân tuân thủ.

Câu 25: Những quy phạm đạo đức phù hợp với sự phát triển và tiến bộ xã hội được Nhà nước đưa vào trong các quy phạm pháp luật là thể hiện mối quan hệ giữa pháp luật với

- A. đạo đức.
- B. chính trị.
- C. xã hội.
- D. kinh tế.

Câu 26: Pháp luật không những quy định quyền của công dân mà còn quy định rõ điều gì sau đây để công dân thực hiện các quyền đó?

- A. Trình tự.
- B. Cách thức.
- C. Phương tiện.
- D. Phương pháp.

Câu 27: Người nào thấy người khác đang ở trong tình trạng nguy hiểm đến tính mạng, tuy có điều kiện mà không cứu giúp dẫn đến hậu quả người đó chết là vi phạm

- A. kỉ luật.
- B. pháp luật hành chính.
- C. pháp luật dân sự.
- D. pháp luật hình sự.

Câu 28: Trong các quy định sau, quy định nào là quy phạm pháp luật?

- A. Điều 76, Hiến pháp 1992 quy định “Công dân phải trung thành với Tổ quốc, phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất”.
- B. Tổ dân phố A quy định sáng chủ nhật hàng tuần tất cả các gia đình trong tổ phải tham gia “Ngày chủ nhật Xanh-Sạch-Đẹp”.
- C. Trường THPT B quy định học sinh phải mang đồng phục vào ngày thứ 2 hàng tuần.
- D. Câu lạc bộ Kỹ năng quy định tất cả các thành viên hàng tuần phải sinh hoạt vào chiều thứ 7.

Câu 29: Pháp luật do Nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện, bắt buộc đối với mọi cá nhân, tổ chức là thể hiện

- A. tính quyền lực, bắt buộc chung.
- B. tính hiệu lực rộng rãi.
- C. tính phổ biến.
- D. tính khả thi.

Câu 30: Để quản lí xã hội một cách dân chủ và hiệu quả nhất thì phải quản lí bằng

- A. giáo dục.
- B. pháp luật.
- C. đạo đức.
- D. kế hoạch.

Câu 31: Hệ thống các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành và được đảm bảo thực hiện bằng quyền lực của Nhà nước được gọi là

- A. pháp luật.
- B. đạo đức.
- C. giáo lý.
- D. lễ nghi.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 1.

1-D	2-C	3-B	4-D	5-A	6-A	7-D	8-B
9-B	10-A	11-D	12-A	13-D	14-D	15-A	16-A
17-D	18-A	19-D	20-C	21-C	22-B	23-D	24-C
25-A	26-B	27-D	28-A	29-A	30-B	31-A	-

Bài 2: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT.

Câu 1: Cá nhân, tổ chức sử dụng pháp luật tức là làm những gì mà pháp luật

- A. cho phép làm.
- B. không cho phép làm.
- C. quy định phải làm.
- D. quy định.

Câu 2: Cá nhân, tổ chức thi hành pháp luật tức là thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ, chủ động làm những gì mà pháp luật

- A. quy định làm.
- B. quy định phải làm.
- C. cho phép làm.
- D. không cấm.

Câu 3: Cá nhân, tổ chức tuân thủ pháp luật tức là không làm những điều mà pháp luật

- A. cho phép làm.
- B. cấm.
- C. không cấm.
- D. không đồng ý.

Câu 4: Ông A là người có thu nhập cao, hằng năm ông A chủ động đến cơ quan thuế để nộp thuế thu nhập cá nhân. Trong trường hợp này, ông A đã

- A. sử dụng pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. thi hành pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 5: Anh M đi bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Trong trường hợp này, anh M đã

- A. sử dụng pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. thi hành pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 6: Chị C không đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy trên đường. Trong trường hợp này, chị C đã

- A. không sử dụng pháp luật.
- B. không tuân thủ pháp luật.
- C. không thi hành pháp luật.
- D. không áp dụng pháp luật.

Câu 7: Cảnh sát giao thông xử phạt người không đội mũ bảo hiểm 100.000 đồng (mức phạt: 100.000 đồng - 200.000 đồng). Trong trường hợp này, cảnh sát giao thông đã

- A. sử dụng pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. thi hành pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 8: Công dân A không tham gia buôn bán, tàng trữ và sử dụng các chất ma túy. Trong trường hợp này, công dân A đã

- A. sử dụng pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. thi hành pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 9: Anh B săn bắn động vật quý hiếm trong rừng. Trong trường hợp này, anh B đã

- A. không sử dụng pháp luật.
- B. không tuân thủ pháp luật.
- C. không thi hành pháp luật.
- D. không áp dụng pháp luật.

Câu 10: Cảnh sát giao thông xử phạt người không chấp hành hiệu lệnh tín hiệu đèn giao thông 300. 000 đồng (mức phạt: 300. 000 đồng - 400. 000 đồng). Trong trường hợp này, cảnh sát giao thông đã

- A. sử dụng pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. thi hành pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 11: Cảnh sát giao thông xử phạt người buông cả hai tay khi đang điều khiển xe 5. 000. 000 đồng (mức phạt: 5. 000. 000 đồng -7. 000. 000 đồng). Trong trường hợp này, cảnh sát giao thông đã

- A. sử dụng pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. thi hành pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 12: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định về việc luân chuyển một số cán bộ từ các cơ sở về tăng cường cho Ủy ban nhân dân các huyện miền núi. Trong trường hợp này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã

- A. sử dụng pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. thi hành pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 13: Ông B lừa chị A bằng cách mượn của chị 10 lượng vàng nhưng đến ngày hẹn, ông B đã không chịu trả cho chị A số vàng trên. Chị A đã làm đơn kiện ông B ra tòa. Việc chị A kiện ông B nghĩa là chị đã

- A. sử dụng pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. thi hành pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 14: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã trực tiếp giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của một số công dân. Trong trường hợp này, chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã

- A. sử dụng pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. thi hành pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 15: Vi phạm hình sự là những hành vi

- A. gây nguy hiểm cho xã hội.
- B. xâm phạm quy tắc quản lí nhà nước.
- C. xâm phạm đến tài sản công dân.
- D. đặc biệt nguy hiểm nguy hiểm.

Câu 16: Vi phạm hành chính là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm các

- A. quy tắc quản lí nhà nước.
- B. quy tắc kỉ luật, lao động.
- C. quy tắc quản lí xã hội.
- D. nguyên tắc quản lí hành chính.

Câu 17: Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới các

- A. quan hệ kinh tế và quan hệ tình cảm.
- B. quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân.
- C. quan hệ sở hữu và quan hệ thân nhân.
- D. quan hệ tài sản và quan hệ gia đình.

Câu 18: Những hành vi xâm phạm đến các quan hệ lao động, công vụ nhà nước do pháp luật lao động, pháp luật hành chính bảo vệ được gọi là vi phạm

- A. hành chính.
- B. hình sự.
- C. kỉ luật.
- D. pháp luật lao động.

Câu 19: Đối tượng phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm (Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung ngày 19. 06. 2009) do mình gây ra là người

- A. từ đủ 14 tuổi.
- B. từ đủ 15 tuổi.
- C. từ đủ 16 tuổi.
- D. từ đủ 18 tuổi.

Câu 20: Đối tượng phải chịu trách nhiệm hành chính (Luật xử lí vi phạm hành chính - Điểm a Khoản 1 Điều 6) về mọi hành vi hành chính do mình gây ra là những người

- A. từ đủ 14 tuổi.
- B. từ đủ 15 tuổi.
- C. từ đủ 16 tuổi.
- D. từ đủ 18 tuổi.

Câu 21: Anh B điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường mà không đội mũ bảo hiểm. Trong trường hợp này, anh B đã vi phạm

- A. dân sự.
- B. hình sự.
- C. kỉ luật.
- D. hành chính.

Câu 22: Nguyễn Văn C bị bắt về tội vu khống và tội làm nhục người khác. Trong trường hợp này, Nguyễn Văn C phải chịu trách nhiệm nào sau đây?

- A. Trách nhiệm dân sự.
- B. Trách nhiệm hình sự.
- C. Trách nhiệm kỉ luật.
- D. Trách nhiệm hành chính.

Câu 23: Lê Thị H đã lừa bán hai phụ nữ và một trẻ em qua biên giới. Trong trường hợp này, Lê Thị H đã vi phạm

- A. dân sự.
- B. hình sự.
- C. kỉ luật.
- D. hành chính.

Câu 24: Anh M thường xuyên đi làm muộn và nhiều lần tự ý nghỉ việc không có lí do. Trong trường hợp này, anh M đã vi phạm

- A. dân sự.
- B. hình sự.
- C. kỉ luật.
- D. hành chính.

Câu 25: Hành vi xâm phạm đến các quan hệ tài sản và nhân thân do các cá nhân hoặc tổ chức thực hiện là vi phạm

- A. dân sự.
- B. hình sự.
- C. kỉ luật.
- D. hành chính.

Câu 26: Hành vi xâm phạm các quy tắc quản lí nhà nước do các cá nhân, tổ chức hoặc cơ quan thực hiện là vi phạm

- A. dân sự.
- B. hình sự.
- C. kỉ luật.
- D. hành chính.

Câu 27: Hành vi gây nguy hiểm cho xã hội là vi phạm

- A. dân sự.
- B. hình sự.
- C. kỉ luật.
- D. hành chính.

Câu 28: Hành vi xâm phạm quy tắc kỉ luật lao động trong các cơ quan, trường học, doanh nghiệp, là vi phạm

- A. dân sự.
- B. hình sự.
- C. kỉ luật.
- D. hành chính.

Câu 29: Chủ thể vi phạm thường bị phạt tiền, cảnh cáo, khôi phục hiện trạng ban đầu, thu giữ tang vật, phương tiện là hình thức xử phạt

- A. Vi phạm dân sự.
- B. Vi phạm hình sự.
- C. Vi phạm kỉ luật.
- D. Vi phạm hành chính.

Câu 30: Chủ thể vi phạm phải bồi thường thiệt hại, thực hiện nghĩa vụ dân sự theo đúng thỏa thuận giữa các bên tham gia là hình thức xử phạt

- A. Vi phạm dân sự.
- B. Vi phạm hình sự.
- C. Vi phạm kỉ luật.
- D. Vi phạm hành chính.

Câu 31: Chủ thể vi phạm bị khiển trách, cảnh cáo, chuyển công tác khác, cách chức, hạ bậc lương, đuổi việc là hình thức xử lí

- A. Vi phạm dân sự.
- B. Vi phạm hình sự.
- C. Vi phạm kỉ luật.
- D. Vi phạm hành chính.

Câu 32: Những hình phạt nghiêm khắc nhất (tù có thời hạn, chung thân, tử hình...) là hình thức xử phạt

- A. Vi phạm dân sự.
- B. Vi phạm hình sự.
- C. Vi phạm kỉ luật.
- D. Vi phạm hành chính.

Câu 33: Nguyễn Văn A đánh người gây thương tích mà tỉ lệ thương tật theo giám định của cơ quan pháp y là 12%. Trong trường hợp này, Nguyễn Văn A đã vi phạm

- A. hình sự.
- B. hành chính.
- C. dân sự.
- D. kỉ luật.

Câu 34: Trần Văn B đi xe vượt đèn đỏ. Trường hợp này, Trần Văn B đã vi phạm

- A. hình sự.
- B. hành chính.
- C. dân sự.
- D. kỉ luật.

Câu 35: Lê Văn D không trả nhà khi hết thời hạn ghi trong hợp đồng. Trường hợp này, Lê Văn D đã vi phạm

- A. hình sự.
- B. hành chính.
- C. dân sự.
- D. kỉ luật.

Câu 36: Trần Văn A nghỉ phép quá hạn mà không có lí do. Trường hợp này, Trần Văn A đã vi phạm

- A. hình sự.
- B. hành chính.
- C. dân sự.
- D. kỉ luật.

Câu 37: Công ty B kinh doanh hàng hóa A khác, không đúng với mặt hàng đã đăng kí trong giấy phép kinh doanh. Trường hợp này, công ty B đã vi phạm

- A. hình sự.
- B. hành chính.
- C. dân sự.
- D. kỉ luật.

Câu 38: Công ty A sử dụng phần mềm đã đăng kí bản quyền mà không được sự đồng ý của tác giả. Trường hợp này, công ty A đã vi phạm

- A. hình sự.
- B. hành chính.
- C. dân sự.
- D. kỉ luật.

Câu 39: Nguyễn Văn T thường xuyên có lời nói, việc làm gây chia rẽ, mất đoàn kết trong nội bộ cơ quan. Trường hợp này, Nguyễn Văn T đã vi phạm

- A. hình sự.
- B. hành chính.
- C. dân sự.
- D. kỉ luật.

Câu 40: Trương Văn T xây nhà trên phần đất thuộc quyền sử dụng của người khác. Trường hợp này, Trương Văn T đã vi phạm

- A. hình sự.
- B. hành chính.
- C. dân sự.
- D. kỉ luật.

- Câu 41:** Nguyễn Văn H tổ chức đua xe trái phép. Trường hợp này, Nguyễn Văn H đã vi phạm
- hình sự.
 - hành chính.
 - dân sự.
 - kỉ luật.
- Câu 42:** Ngô Văn S trốn tránh nghĩa vụ quân sự. Trường hợp này, Ngô Văn S đã vi phạm
- hình sự.
 - hành chính.
 - dân sự.
 - kỉ luật.
- Câu 43:** Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm, tội phạm được phân thành
- tội phạm nghiêm trọng, tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.
 - tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.
 - tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.
 - tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.
- Câu 44:** Pháp luật Việt Nam quy định độ tuổi nào khi tham gia các giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý?
- Từ đủ 5 tuổi đến chưa đủ 17 tuổi.
 - Từ đủ 5 tuổi đến đủ 17 tuổi.
 - Từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi.
 - Từ đủ 6 tuổi đến đủ 18 tuổi.
- Câu 45:** Nguyên nhân quan trọng làm gia tăng tai nạn giao thông đường bộ là
- cơ sở hạ tầng kém.
 - phương tiện giao thông không đảm bảo điều kiện an toàn.
 - sự gia tăng quá nhanh các phương tiện giao thông.
 - ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông kém.
- Câu 46:** Quan niệm nào sau đây là **không đúng** về độ tuổi giao dịch dân sự?
- Từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi được thực hiện các giao dịch có giá trị nhỏ phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày.
 - Từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi được tự do thực hiện các giao dịch dân sự.
 - Từ đủ 6 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi khi thực hiện giao dịch phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý.
 - Từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có tài sản riêng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thì có thể tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự.
- Câu 47:** Công dân thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của mình, có nghĩa là công dân đã
- tuân thủ pháp luật.
 - thi hành pháp luật.
 - áp dụng pháp luật.
 - sử dụng pháp luật.
- Câu 48:** Người đi xe đạp, xe máy không đi vào đường ngược chiều, có nghĩa là họ đã
- sử dụng pháp luật.
 - thi hành pháp luật.
 - tuân thủ pháp luật.
 - áp dụng pháp luật.

Câu 49: Cơ sở sản xuất kinh doanh áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, có nghĩa là cơ sở đã

- A. tuân thủ pháp luật.
- B. sử dụng pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. thi hành pháp luật.

Câu 50: Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) cấp giấy đăng ký kết hôn cho công dân, có nghĩa là Ủy ban nhân dân xã đã

- A. thi hành pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

Câu 51: Hành vi trái pháp luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại đến các quan hệ được pháp luật điều chỉnh.

- A. Vi phạm đạo đức .
- B. Vi phạm tập quán.
- C. Vi phạm pháp luật.
- D. Vi phạm kỉ luật.

Câu 52: Trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm nào sau đây?

- A. Vi phạm pháp lý và vi phạm đạo đức.
- B. Vi phạm đạo đức.
- C. Vi phạm kỉ luật.
- D. Vi phạm pháp lý.

Câu 53: Theo qui định pháp luật Việt Nam, người chưa thành niên là người

- A. chưa đủ 18 tuổi.
- B. chưa đủ 16 tuổi.
- C. chưa đủ 15 tuổi.
- D. chưa đủ 17 tuổi.

Câu 54: Pháp luật qui định người từ bao nhiêu tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi vi phạm do mình gây ra?

- A. đủ 18 tuổi trở lên.
- B. đủ 17 tuổi trở lên.
- C. đủ 15 tuổi trở lên.
- D. đủ 16 tuổi trở lên.

Câu 55: Trong các hành vi dưới đây, hành vi nào thể hiện công dân áp dụng pháp luật?

- A. Người tham gia giao thông không vượt qua ngã tư khi có tín hiệu đèn đỏ.
- B. Công dân A gửi đơn khiếu nại lên cơ quan nhà nước.
- C. Cảnh sát giao thông xử phạt người không đội mũ bảo hiểm.
- D. Anh A và chị B đến UBND phường đăng ký kết hôn.

Câu 56: Người có năng lực trách nhiệm pháp lý là

- A. người đạt một độ tuổi nhất định theo qui định của pháp luật, có thể nhận thức và điều khiển hành vi của mình.
- B. người không mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức.
- C. người tự quyết định cách xử sự của mình và độc lập chịu trách nhiệm về hành vi đã thực hiện.
- D. người đạt một độ tuổi nhất định theo qui định của pháp luật.

Câu 57: Hành vi nào sau đây thể hiện công dân sử dụng pháp luật?

- A. Cảnh sát giao thông xử phạt đèn đỏ.
- B. Anh A đến Ủy ban nhân dân phường để thay đổi họ, tên.
- C. Các doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.
- D. Công ty X thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo quy định pháp luật.

Câu 58: Anh A lái xe máy và lưu thông đúng luật. Chị B đi xe đạp không quan sát và bất ngờ băng ngang qua đường làm anh A bị thương (giám định là 10%). Theo em, trường hợp này xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?

- A. Cảnh cáo, phạt tiền chị B.
- B. Cảnh cáo và buộc chị B phải bồi thường thiệt hại cho gia đình anh A.
- C. Không xử lý chị B vì chị B là người đi xe đạp.
- D. Phạt tù chị B.

Câu 59: Trong các nghĩa vụ sau đây, nghĩa vụ nào không phải là nghĩa vụ pháp lý?

- A. Con cái có nghĩa vụ phụng dưỡng cha mẹ già.
- B. Người kinh doanh phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.
- C. Thanh niên đủ 18 tuổi phải thực hiện nghĩa vụ quân sự.
- D. Đoàn viên thanh niên phải chấp hành điều lệ của Đoàn.

Câu 60: Độ tuổi nào sau đây nam thanh niên phải thực hiện nghĩa vụ quân sự?

- A. Từ đủ 17 tuổi đến hết 24 tuổi.
- B. Từ đủ 17 tuổi đến hết 25 tuổi.
- C. Từ đủ 18 tuổi đến hết 24 tuổi.
- D. Từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi.

Câu 61: Trên đường phố, mọi người đi xe đạp, xe máy, xe ô tô tự giác dừng lại đúng nơi quy định, không vượt qua ngã ba, ngã tư khi có tín hiệu đèn đỏ. Đó là việc công dân đã

- A. thực hiện nếp sống văn minh.
- B. thực hiện pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. ứng dụng pháp luật.

Câu 62: Ba thanh niên đèo (chở) nhau trên một xe máy bị cảnh sát giao thông yêu cầu dừng xe, lập biên bản phạt tiền. Đó là việc cảnh sát giao thông đã

- A. áp dụng pháp luật.
- B. vi phạm pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. thi hành pháp luật.

Câu 63: Thực hiện pháp luật là

- A. hoạt động có mục đích, làm cho các quy định đi vào cuộc sống của cá nhân, tổ chức.
- B. hoạt động thường xuyên, theo chủ điểm của các cá nhân, tổ chức.
- C. hoạt động theo nhận thức của các cá nhân, tổ chức.
- D. hoạt động có mục đích, làm cho các quy định đi vào cuộc sống, trở thành hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Câu 64: hành vi nào sau đây **không** vi phạm pháp luật?

- A. Dũng đe dọa giết chết bạn gái của mình.
- B. Tuấn dùng điện để bắt chuột nhưng không may gây đã làm chết người.
- C. Bệnh nhân tâm thần H hành hung ông B khiến ông B bị thương nặng.
- D. N 16 tuổi, đốt lửa làm cháy nhà hàng xóm gây thiệt hại một trăm triệu đồng của chủ nhà.

- Câu 65:** Ông Tuấn là nhân viên bảo vệ của trường THPT H. Một đêm do uống rượu say nên ông quên khóa cổng. Kết quả là kẻ gian đã đột nhập trộm tivi và cây cảnh của nhà trường. Theo em, ông Tuấn đã vi phạm pháp luật loại gì?
- A. Vi phạm hành chính.
 - B. Vi phạm dân sự.
 - C. Vi phạm kỉ luật.
 - D. Vi phạm hình sự.
- Câu 66:** Lê Văn Q đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi làm giả hạt nêm của nhãn hiệu X. Lần này, Q bị bắt quả tang khi đang tiếp tục làm giả hạt nêm với số lượng lớn có giá trị tương đương với hàng thật là 30 triệu đồng. Trường hợp này, Q đã vi phạm và chịu trách nhiệm nào ?
- A. Vi phạm dân sự và chịu trách nhiệm dân sự.
 - B. Vi phạm hình sự và chịu trách nhiệm hình sự.
 - C. Vi phạm kỉ luật và chịu trách nhiệm kỉ luật.
 - D. Vi phạm hành chính và chịu trách nhiệm hành chính.
- Câu 67:** Trần Văn A 16 tuổi bị bắt quả tang khi đang sản xuất rượu giả. Số lượng rượu giả do A sản xuất nếu đem ra thị trường bán bằng với giá của rượu thật có giá trị khoảng 1 triệu đồng. Trong trường hợp này Trần Văn A phải chịu trách nhiệm
- A. dân sự.
 - B. kỉ luật.
 - C. hình sự.
 - D. hành chính.
- Câu 68:** Anh B có hợp đồng cho anh M thuê nhà với giá 1. 500. 000 VNĐ/ 1 tháng, thanh toán vào ngày 10 dương lịch hàng tháng. Nhưng đến thời hạn anh M không chịu thanh toán. Trường hợp này, anh M đã vi phạm
- A. dân sự.
 - B. kỉ luật.
 - C. hình sự.
 - D. hành chính.
- Câu 69:** A và B học cùng lớp 12 ở trường THPT N. A nhiều lần đưa thông tin về bí mật đời tư của B không chính xác. Nếu là B em sẽ làm gì theo đúng quy định của pháp luật?
- A. Không quan tâm đến lời nói của A.
 - B. Lên các trang mạng xã hội nói xấu A.
 - C. Gọi bạn bè đến hành hung bạn A.
 - D. Giải thích rằng bạn A đã xâm phạm quan hệ nhân thân của mình.
- Câu 70:** Anh Nguyễn Văn K (19 tuổi) điều khiển xe máy điện đi ngược chiều của đường một chiều. Trường hợp này, anh K bị xử phạt bao nhiêu?
- A. Dưới 200. 000 đồng.
 - B. Từ 200. 000 đồng đến 400. 000 đồng.
 - C. Từ 100. 000 đến 300. 00 đồng.
 - D. Trên 400. 000 đồng.
- Câu 71:** Học sinh từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi được điều khiển xe cơ giới nào sau đây ?
- A. Xe mô tô .
 - B. Xe gắn máy.
 - C. Xe ô tô.
 - D. Xe đạp điện.

Câu 72: Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe nghiêm trọng cho người khác là hành vi vi phạm

- A. hành chính.
- B. dân sự.
- C. kỉ luật.
- D. hình sự.

Câu 73: Nguyên tắc xử lí người chưa thành niên (từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi) phạm tội là

- A. xử lí nghiêm minh.
- B. áp dụng khung hình phạt cao nhất.
- C. giáo dục, giúp sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh.
- D. xử lí nghiêm khắc nhất.

Câu 74: Học sinh dưới 18 tuổi đi xe máy điện **không** được thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Đi xe dưới 50cm³.
- B. Đi ngược đường một chiều.
- C. Đèo (chở) thêm bạn mình sau xe.
- D. Rẽ phải nơi làn đường cho phép.

Câu 75: Học sinh ở độ tuổi nào có thể điều khiển xe mô tô có dung tích dưới 50cm³?

- A. Từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- B. Từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- C. Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- D. Từ đủ 17 tuổi đến dưới 18 tuổi.

Câu 76: Nhận định nào **không đúng** về các hình thức xử lí vi phạm hành chính?

- A. Cảnh cáo.
- B. Phạt tiền.
- C. Phạt tù.
- D. Tước quyền sử dụng giấy phép.

Câu 77: Nguyễn Văn (đủ 17 tuổi) đã đến Ban chỉ huy quân sự Quận S đăng kí nghĩa vụ quân sự. Trong trường hợp này, B đã

- A. sử dụng pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 78: Thí sinh Trần Văn A gởi đơn khiếu nại đến Giám đốc Sở giáo dục Y về kết quả kì thi tốt nghiệp THPT khóa ngày 11. 06. 2008. Trong trường hợp này, Trần Văn A đã

- A. sử dụng pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 79: Người từ đủ bao nhiêu tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng ?

- A. Từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi.
- B. Từ đủ 16 tuổi.
- C. Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- D. Từ đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 80: Nguyễn Văn A năm nay 22 tuổi, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đã ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021. Trong trường hợp này, anh A đã

- A. sử dụng pháp luật.
- B. thi hành pháp luật.
- C. tuân thủ pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 81: Chị A thường xuyên bị chồng bạo hành, chị gởi đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận

S. Trong trường hợp này, chị A đã

- A. thi hành pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

Câu 82: Tòa án nhân dân Quận C đã ra bản án xử lý hôn giữa anh T và chị D. Trong trường hợp này, Tòa án Quận C đã

- A. thi hành pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. áp dụng pháp luật.
- D. sử dụng pháp luật.

Câu 83: Phát hiện cảnh sát giao thông B nhận tiền của người vi phạm rồi cho đi. Ông K thu thập chứng cứ và gởi đơn tố cáo đến công an quận. Trong trường hợp này, ông K đã

- A. thi hành pháp luật.
- B. tuân thủ pháp luật.
- C. sử dụng pháp luật.
- D. áp dụng pháp luật.

Câu 84: Nguyễn Văn C cố ý vượt đèn đỏ nên gây tai nạn chết người cho chị B. Trường hợp này, C đã vi phạm

- A. kỉ luật.
- B. hành chính.
- C. hình sự.
- D. dân sự.

Câu 85: Học sinh nam bao nhiêu tuổi thì phải đăng kí nghĩa vụ quân sự?

- A. đủ 15 tuổi.
- B. đủ 16 tuổi.
- C. đủ 17 tuổi.
- D. đủ 18 tuổi.

Câu 86: Căn cứ vào đâu để xác định đó là hành vi vi phạm pháp luật?

- A. nguy hiểm cho xã hội.
- B. xâm phạm quy tắc quản lí của nhà nước.
- C. xâm phạm quan hệ nhân thân, tài sản.
- D. đối tượng xâm phạm, mức độ và tính chất nguy hiểm.

Câu 87: Có mấy hình thức thực hiện pháp luật?

- A. Một.
- B. Hai.
- C. Ba.
- D. Bốn.

Câu 88: Đây là lần thứ ba Lê Văn N (21 tuổi) đánh B (16 tuổi) gây thương tích theo giám định của cơ quan pháp y là 6%. Trường hợp này, N đã

- A. vi phạm hình sự và chịu trách nhiệm hình sự.
- B. vi phạm dân sự và chịu trách nhiệm dân sự.
- C. vi phạm hành chính và chịu trách nhiệm hành chính.
- D. vi phạm kỉ luật và chịu trách nhiệm kỉ luật.

Câu 89: Người từ đủ bao nhiêu tuổi phải chịu trách nhiệm và bị xử phạt về vi phạm hành chính do cố ý?

- A. Từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi.
- B. Từ đủ 16 tuổi.
- C. Từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.
- D. Đủ 18 tuổi.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 2.

1-A	2-B	3-B	4-C	5-A	6-C	7-D	8-B
9-B	10-D	11-D	12-D	13-A	14-D	15-A	16-A
17-B	18-C	19-C	20-C	21-D	22-B	23-B	47-D
48-C	49-D	50-C	51-C	52-A	53-A	54-D	55-C
56-A	57-B	58-B	59-D	60-D	61-B	62-A	63-D
64-C	65-C	66-B	67-D	68-A	69-D	70-B	71-D
72-D	73-C	74-B	74-C	76-C	77-B	78-A	79-A
80-A	81-D	82-C	83-C	84-C	85-C	86-D	87-D
88-A	89-A	-	-	-	-	-	-

ĐÀ NẴNG

BÀI 3: BÌNH ĐẲNG TRƯỚC PHÁP LUẬT.

Câu 1: Quyền và nghĩa vụ của công dân được Nhà nước quy định trong

- A. Hiến pháp.
- B. Hiến pháp và luật.
- C. Bộ luật Hình sự.
- D. luật và chính sách.

Câu 2: Khi công dân vi phạm pháp luật với tính chất và mức độ vi phạm như nhau, trong một hoàn cảnh như nhau thì đều phải chịu trách nhiệm pháp lý

- A. như nhau.
- B. ngang nhau.
- C. bằng nhau.
- D. khác nhau.

Câu 3: Quyền và nghĩa vụ của công dân không bị phân biệt bởi

- A. dân tộc, giới tính, tôn giáo.
- B. thu nhập, tuổi tác, địa vị.
- C. dân tộc, giới tính, tôn giáo, giàu, nghèo, thành phần và địa vị xã hội.
- D. thành phần, địa vị xã hội.

Câu 4: Học tập là một trong những

- A. nghĩa vụ của công dân.
- B. quyền lợi của công dân.
- C. trách nhiệm của công dân.
- D. quyền và nghĩa vụ của công dân.

Câu 5: Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là

- A. công dân ở bất kỳ độ tuổi nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý như nhau.
- B. công dân nào vi phạm quy định của cơ quan, đơn vị, đều phải chịu trách nhiệm kỷ luật.
- C. công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- D. công dân nào do thiếu hiểu biết về pháp luật mà vi phạm pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Câu 6: Công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định của pháp luật là

- A. công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
- B. công dân bình đẳng về quyền.
- C. công dân bình đẳng về nghĩa vụ.
- D. công dân bình đẳng trước pháp luật.

Câu 7: Trong Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, “Trung thành với Tổ quốc” là nghĩa vụ của

- A. Nhà nước.
- B. lực lượng vũ trang.
- C. cơ quan chính phủ.
- D. công dân.

Câu 8: Việc đảm bảo quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật là trách nhiệm của

- A. các tổ chức.
- B. mọi công dân.
- C. các cơ quan có thẩm quyền.
- D. Nhà nước và công dân.

Câu 9: Những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân sẽ bị Nhà nước

- A. phạt tù.
- B. xử lý nghiêm minh.
- C. phạt cảnh cáo.
- D. nhắc nhở và phê bình.

Câu 10: Tham gia quản lý Nhà nước và xã hội là một trong những

- A. quyền và nghĩa vụ của công dân.
- B. quyền của công dân.
- C. trách nhiệm của công dân.
- D. nghĩa vụ của công dân.

Câu 11: Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định bảo vệ Tổ quốc là

- A. quyền và nghĩa vụ của công dân.
- B. quyền của công dân.
- C. trách nhiệm của công dân.
- D. nghĩa vụ của công dân.

Câu 12: Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quyền tự do kinh doanh là

- A. quyền và nghĩa vụ của công dân.
- B. trách nhiệm của công dân.
- C. quyền của công dân.
- D. nghĩa vụ của công dân.

Câu 13: Hiến pháp của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định nộp thuế là

- A. quyền và nghĩa vụ của công dân.
- B. trách nhiệm của công dân.
- C. quyền của công dân.
- D. nghĩa vụ của công dân.

Câu 14: Trước pháp luật, mọi công dân đều bình đẳng về

- A. quyền và nghĩa vụ.
- B. quyền lợi và trách nhiệm.
- C. quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí.
- D. nghĩa vụ và trách nhiệm.

Câu 15: Công dân có quyền dân chủ cơ bản nào sau đây?

- A. Quyền bầu cử, ứng cử.
- B. quyền thành lập bất cứ tôn giáo nào.
- C. tham gia bất cứ tổ chức nào.
- D. quyền kinh doanh mọi mặt hàng.

Câu 16: Ý kiến nào sau đây nói về quyền và nghĩa vụ của công dân trong bình đẳng trước pháp luật?

A. Trong cùng một điều kiện như nhau, công dân được hưởng quyền và nghĩa vụ như nhau.

B. Trong pháp luật luôn có sự phân biệt đối xử giữa các công dân trong việc sử dụng quyền, thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lí.

C. Quyền và nghĩa vụ của công dân được quy định trong các đường lối của Đảng.

D. Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý như nhau.

Câu 17: Công dân bình đẳng trước pháp luật là một trong những

- A. quyền chính đáng.
- B. quyền thiêng liêng.
- C. quyền cơ bản.
- D. quyền hợp pháp.

Câu 18: Bạo lực trong gia đình thể hiện điều gì dưới đây?

- A. Thiếu tình cảm.
- B. Thiếu kinh tế.
- C. Thiếu tập trung.
- D. Thiếu bình đẳng.

Câu 19: Việc làm nào dưới đây vi phạm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân?

Nhà trường miễn, giảm học phí cho con em hộ nghèo trong thành phố.

Nhà trường trao học bổng cho một số bạn đạt thành tích cao trong học tập.

Các bạn học sinh nam đủ 17 tuổi phải đăng kí nghĩa vụ quân sự, các bạn học sinh nữ thì không.

Hết lớp 9, bố bạn A bắt bạn phải nghỉ học với lí do con gái học nhiều không ích lợi gì.

Câu 20: Theo quy định tại Điều 16 – Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 thì mọi người đều

- A. bình đẳng trước nhà nước.
- B. bình đẳng trước pháp luật.
- C. bình đẳng về quyền lợi.
- D. bình đẳng về nghĩa vụ.

Câu 21: Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bị xử lí theo quy định của pháp luật là

- A. bình đẳng về quyền.
- B. bình đẳng về nghĩa vụ
- C. bình đẳng về trách nhiệm pháp lý
- D. bình đẳng về quyền và nghĩa vụ

Câu 22: Việc làm nào sau đây thể hiện quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật?

- A. Kinh doanh bất cứ ngành nghề nào.
- B. Kết hôn với bất cứ ai mà mình yêu thương.
- C. Khám xét chỗ ở của người khác.
- D. Kinh doanh bất cứ ngành nghề nào mà pháp luật không cấm.

Câu 23: Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật đều phải chịu trách nhiệm pháp lí

- A. như nhau.
- B. khác nhau.
- C. theo quy định của pháp luật.
- D. với mức hình phạt thật nặng.

Câu 24: Mức độ sử dụng các quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân phụ thuộc rất nhiều vào

- A. giới tính, sở thích và hiểu biết của mỗi người.
- B. khả năng, điều kiện và hoàn cảnh của mỗi người.
- C. trình độ của mỗi người.
- D. thành phần địa vị xã hội của mỗi người.

Câu 25: Nhà nước quy định điểm ưu tiên cho các thí sinh người dân tộc thiểu số, con thương binh, con liệt sĩ trong tuyển sinh đại học, cao đẳng là thực hiện nguyên tắc

- A. bình đẳng giới.
- B. bình đẳng giữa các dân tộc.
- C. bình đẳng về quyền và cơ hội học tập.
- D. bình đẳng xã hội.

Câu 26: Cùng tạo ra các điều kiện vật chất, tinh thần để đảm bảo cho công dân có khả năng thực hiện được quyền và nghĩa vụ phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước là trách nhiệm của

- A. tổ chức phi chính phủ và các cá nhân.
- B. chính phủ và cơ quan nhà nước.
- C. Nhà nước và xã hội.
- D. doanh nghiệp và công dân.

Câu 27: Việc làm nào sau đây **không** thể hiện quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật?

- A. Công dân đủ 18 tuổi trở lên (trừ các trường hợp đặc biệt bị pháp luật cấm) được bầu cử theo quy định của pháp luật.
- B. Công dân có quyền được đảm bảo an sinh xã hội.
- C. Mọi người có quyền sở hữu mọi thu nhập của mình.
- D. Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập.

Câu 28: Nội dung nào dưới đây thể hiện sự bình đẳng về trách nhiệm pháp lý của công dân?

- A. Công dân ở bất kì độ tuổi nào vi phạm pháp luật cũng đều bị xử lý như nhau.
- B. Bất kì công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- C. Công dân nào do thiếu hiểu biết về pháp luật mà vi phạm pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm pháp lý.
- D. Việc chịu trách nhiệm pháp lý còn phụ thuộc vào đóng góp của mỗi người với đất nước.

Câu 29: Anh A sống độc thân, anh B có mẹ già và con nhỏ 10 tuổi. Cả hai anh làm việc cùng một cơ quan, có cùng một mức thu nhập như nhau là 40 triệu đồng/ tháng. Các anh sẽ phải đóng mức thuế thu nhập cá nhân như thế nào? Vì sao?

- A. Đóng mức ngang nhau vì có cùng một mức thu nhập.
- B. Anh A đóng nhiều hơn anh B vì được giảm trừ người phụ thuộc là mẹ già và con nhỏ.
- C. Cả hai đều không bị đóng thuế vì mức thu nhập chưa đủ đóng thuế.
- D. Đóng ngang nhau vì cùng một cơ quan.

Câu 30: Nguyễn Văn N, 20 tuổi và Trần Văn A, 19 tuổi. Cả hai cùng rủ nhau đi cướp tài sản và đã thực hiện hơn 10 vụ cướp. N và A sẽ chịu trách nhiệm pháp lý như thế nào?

- A. N bị mức xử phạt cao hơn A.
- B. N và A cùng chịu trách nhiệm pháp lý như nhau.
- C. A chịu trách nhiệm pháp lý nhiều hơn.
- D. Chỉ có N phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Câu 31: Nguyễn Văn N, 17 tuổi và Trần Văn A, 19 tuổi. Cả hai cùng rủ nhau đi cướp tài sản và đã thực hiện hơn 10 vụ cướp. N và A sẽ chịu trách nhiệm pháp lý như thế nào? Vì sao?

- A. N chịu trách nhiệm pháp lý thấp hơn A vì N đang ở tuổi vị thành niên.
- B. N và A cùng chịu trách nhiệm pháp lý như nhau vì cùng độ tuổi thanh niên.
- C. Chỉ có A phải chịu trách nhiệm pháp lý vì N chưa đủ 18 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm pháp lý.
- D. N và A cùng chịu trách nhiệm pháp lý như nhau vì cùng thực hiện các vụ cướp.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 3.

1-B	2-A	3-C	4-D	5-C	6-D	7-D	8-D
9-B	10-B	11-A	12-C	13-D	14-C	15-A	16-A
17-C	18-D	19-D	20-B	21-C	22-D	23-C	24-B
25-C	26-C	27-C	28-B	29-B	30-B	31-A	-

ĐÀ NẴNG

BÀI 4: QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA CÔNG DÂN TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI.

- Câu 1:** Một trong những nội dung của bình đẳng trong quan hệ vợ chồng là
- quan hệ vợ chồng và quan hệ với họ hàng nội, ngoại.
 - quan hệ gia đình và quan hệ xã hội.
 - quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản.
 - quan hệ hôn nhân và quan hệ quyết thống.
- Câu 2:** Nội dung nào sau đây thể hiện sự bình đẳng giữa anh, chị, em trong gia đình?
- Đùm bọc, nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ.
 - Không phân biệt đối xử giữa các anh, chị, em.
 - Yêu quý kính trọng ông bà cha mẹ.
 - Sống mẫu mực và noi gương tốt cho nhau.
- Câu 3:** Biểu hiện của bình đẳng trong hôn nhân là
- chỉ có người vợ mới có nghĩa vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc và giáo dục con cái
 - chỉ có người chồng mới có quyền lựa chọn nơi cư trú, quyết định số con và thời gian sinh con
 - vợ, chồng bình đẳng với nhau, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt trong gia đình
 - công việc của người vợ là nội trợ gia đình và chăm sóc con cái, quyết định các khoản chi tiêu hàng ngày của gia đình
- Câu 4:** Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với lĩnh vực nào dưới đây?
- Tài chính gia đình.
 - Tài sản chung.
 - Phương tiện sinh hoạt.
 - Phương tiện thông tin.
- Câu 5:** Đối với công dân, lao động là
- nghĩa vụ với cộng đồng.
 - trách nhiệm với gia đình.
 - quyền tự do cá nhân.
 - quyền và nghĩa vụ.
- Câu 6:** Một trong những nội dung cơ bản của bình đẳng trong lao động là
- bình đẳng trong việc thực hiện quyền lao động.
 - bình đẳng trong sản xuất- kinh doanh.
 - bình đẳng giữa người chưa thành niên và người đã thành niên.
 - bình đẳng trong việc tiếp cận thông tin về việc làm.
- Câu 7:** Đối với lao động nữ, người sử dụng lao động có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động khi người lao động nữ
- kết hôn.
 - ngỉ việc không lí do.
 - nuôi con dưới 12 tháng tuổi
 - có thai.
- Câu 8:** Một trong những nguyên tắc khi giao kết hợp đồng lao động là
- tự do, tự nguyện, bình đẳng
 - tự do theo cá nhân người sử dụng lao động.
 - tự do theo cá nhân người lao động
 - thân thiện, bình đẳng và phù hợp.

Câu 9: Mục đích quan trọng nhất của hoạt động kinh doanh là

- A. trao đổi.
- B. sinh lợi.
- C. mua-bán.
- D. giá cả.

Câu 10: Văn bản nào dưới đây có hiệu lực pháp lí cao nhất khi khẳng định quyền bình đẳng của công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội?

- A. Bộ luật Lao động.
- B. Hiến pháp.
- C. Bộ luật Dân sự.
- D. Luật Doanh nghiệp.

Câu 11: Quyền bình đẳng trong kinh doanh được quy định trong

- A. Hiến pháp và Luật Đầu tư.
- B. Hiến pháp và Luật Doanh nghiệp.
- C. Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật.
- D. Hiến pháp và các Quyết định, Chỉ thị.

Câu 12: Một trong những nội dung của của quyền bình đẳng trong kinh doanh là

- A. mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về nghĩa vụ.
- B. mọi hộ sản xuất-kinh doanh đều bình đẳng về thu nhập.
- C. mọi doanh nghiệp đều bình đẳng về quyền tuyển dụng lao động.
- D. mọi cá nhân đều bình đẳng về lựa chọn nhà đầu tư.

Câu 13: Một trong những nội dung cơ bản của bình đẳng trong lao động là

- A. công dân tự do trong thỏa thuận hợp đồng lao động.
- B. công dân bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.
- C. công dân tự nguyện trong quan hệ lao động.
- D. công dân được đảm bảo các lợi ích vật chất.

Câu 14: Đối với tài sản chung, vợ chồng có các quyền nào dưới đây?

- A. Chiếm hữu, sử dụng và định đoạt.
- B. Bảo quản, sửa chữa và cho mượn.
- C. Bàn bạc, thỏa thuận và quyết định.
- D. Chuyển nhượng, thừa kế và định đoạt.

Câu 15: Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền bình đẳng trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình?

- A. Bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ và chồng và các thành viên trong gia đình.
- B. Tự do lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với điều kiện của mình.
- C. Thực hiện đúng các giao kết trong hợp đồng lao động.
- D. Bảo đảm quyền của các thành viên trong gia đình.

Câu 16: Bình đẳng trước pháp luật là quyền cơ bản của công dân được quy định tại:

- A. Nghị định của Chính phủ.
- B. Nghị quyết của Quốc hội.
- C. Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật.
- D. Văn kiện Đảng và Điều lệ Đảng.

Câu 17: Mục đích củahôn nhân là

- A. xây dựng quan hệ vợ chồng.
- B. củng cố điều kiện kinh tế.
- C. xây dựng gia đình hạnh phúc.
- D. tạo việc làm cho bản thân.

Câu 18: Nội dung nào dưới đây thể hiện sự bình đẳng trong quan hệ nhân thân giữa vợ và chồng?

- A. Vợ, chồng tôn trọng và giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.
- B. Vợ, chồng tự do đi bất cứ nơi đâu mình thích.
- C. Vợ tự lo việc nội trợ trong gia đình.
- D. Vợ, chồng bàn bạc việc bán xe ô tô.

Câu 19: Bồn phận của con cái đối với cha mẹ là

- A. sống với cha mẹ và chăm lo mọi mặt cho cha mẹ.
- B. mua sắm phương tiện sinh hoạt cho gia đình.
- C. lao động để nuôi dưỡng cha mẹ.
- D. yêu quý, kính trọng, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ.

Câu 20: Nội dung nào dưới đây thể hiện sự bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ?

- A. Lao động nam được bố trí công việc thuận lợi hơn lao động nữ.
- B. Lao động nam và lao động nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng.
- C. Lao động nam và lao động nữ có quyền tự do kinh doanh.
- A. Lao động nam và lao động nữ được nghỉ hưu cùng độ tuổi.

Câu 21: Một trong những nội dung của quyền bình đẳng trong kinh doanh là

- A. tạo ra sự bình đẳng trong thu nhập giữa mọi người.
- B. chú trọng đầu tư vào các ngành công nghiệp mũi nhọn.
- C. mọi công dân đều có quyền tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.
- D. tạo điều kiện để bất kỳ ai cũng có thể thành lập doanh nghiệp.

Câu 22: Khi giao kết hợp đồng lao động, người lao động phải thỏa thuận trực tiếp với

- A. người thân trong gia đình.
- B. người nhận hồ sơ xin việc.
- C. người sử dụng lao động.
- D. phòng tổ chức cán bộ.

Câu 23: Nội dung nào sau đây **không** thể hiện sự bình đẳng giữa các thành viên trong gia đình?

Các thành viên trong gia đình đối xử công bằng, dân chủ, tôn trọng lẫn nhau.

Tập thể gia đình quan tâm đến lợi ích của từng cá nhân, từng cá nhân phải quan tâm đến lợi ích chung của gia đình.

Các thành viên trong gia đình có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chăm lo đời sống chung của gia đình.

Người lớn tuổi nhất trong gia đình có quyền quyết định tất cả mọi việc.

Câu 24: Nội dung nào sau đây thể hiện bình đẳng trong lao động?

- A. Công dân thực hiện đúng nghĩa vụ bảo vệ môi trường.
- B. Cá nhân, tổ chức tự do lựa chọn các hình thức kinh doanh.
- C. Mọi công dân đều có cơ hội như nhau trong tiếp cận việc làm.
- D. Các doanh nghiệp tự chủ trong kinh doanh để nâng cao hiệu quả cạnh tranh.

Câu 25: Nội dung nào sau đây **không** thể hiện sự bình đẳng giữa nam và nữ trong lao động?

- A. Lao động nam và lao động nữ bình đẳng về tiêu chuẩn, độ tuổi khi tuyển dụng.
- B. Lao động nam và lao động nữ được đối xử bình đẳng tại nơi làm việc.
- C. Lao động nam được nghỉ Tết nhiều ngày hơn lao động nữ.
- D. Lao động nữ có quyền hưởng chế độ thai sản.

Câu 26: Chủ thể của hợp đồng lao động là

- A. người lao động và đại diện người lao động.
- B. người lao động và người sử dụng lao động.
- C. đại diện người lao động và người lao động.
- D. người lao động và chủ doanh nghiệp.

- Câu 27:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện sự bình đẳng trong kinh doanh?
- A. Tự do kinh doanh mà không cần đăng ký với cơ quan Nhà nước.
 - B. Thực hiện quyền và nghĩa vụ trong sản xuất-kinh doanh.
 - C. Chủ động mở rộng ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật.
 - D. Các doanh nghiệp được bình đẳng trong việc khuyến khích phát triển lâu dài.
- Câu 28:** Nội dung nào dưới đây **không** thuộc nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động?
- A. Tự do, tự nguyện và bình đẳng.
 - B. Không trái pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.
 - C. Giao kết trực tiếp giữa người lao động với người sử dụng lao động.
 - D. Nhờ người khác đến công ty để thay mình ký kết hợp đồng lao động.
- Câu 29:** Tài sản nào sau đây **không** phải là tài sản riêng của vợ, chồng?
- A. Tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn.
 - B. Tài sản được thừa kế riêng trong thời kì hôn nhân.
 - C. Tài sản cả hai vợ chồng làm ra trong thời kỳ hôn nhân.
 - D. Tài sản được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân.
- Câu 30:** Để xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững, trách nhiệm thuộc về
- A. ông bà và các cháu.
 - B. cha mẹ và con cái.
 - C. anh, chị em trong gia đình.
 - D. tất cả các thành viên trong gia đình.
- Câu 31:** Điều nào sau đây **không** phải là mục đích của hôn nhân?
- A. Xây dựng gia đình hạnh phúc.
 - B. Thực hiện chức năng sinh con.
 - C. Thực hiện nghĩa vụ lao động.
 - D. Tổ chức đời sống vật chất và tinh thần của gia đình.
- Câu 32:** Nội dung nào sau đây **không** thể hiện sự bình đẳng giữa ông bà và cháu?
- A. Ông bà nội và ông bà ngoại có nghĩa vụ và quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu.
 - B. Ông bà nội, ông bà ngoại phải sống mẫu mực và nêu gương tốt cho các cháu.
 - C. Cháu có bốn phận kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng cho ông bà.
 - D. Ông bà nội, ông bà ngoại toàn quyền quyết định mọi việc trong gia đình.
- Câu 33:** Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động được thể hiện cụ thể thông qua hình thức nào dưới đây?
- A. Thời gian lao động.
 - B. Hợp đồng lao động.
 - C. Nội dung công việc.
 - D. Điều kiện lao động.
- Câu 34:** Vợ, chồng cùng bàn bạc, quyết định lựa chọn và sử dụng biện pháp kế hoạch hóa gia đình là thể hiện sự bình đẳng trong mối quan hệ nào?
- A. Quan hệ tình cảm.
 - B. Quan hệ huyết thống .
 - C. Quan hệ nhân thân.
 - D. Quan hệ tài sản.
- Câu 35:** Công dân có thể thành lập doanh nghiệp tư nhân nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật là thể hiện sự bình đẳng trong lĩnh vực nào?
- A. Bình đẳng trong lao động.
 - B. Bình đẳng trong hôn nhân và gia đình.
 - C. Bình đẳng trong sản xuất.
 - D. Bình đẳng trong kinh doanh.

Câu 36: Anh H được công ty X nhận vào làm việc. Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của mỗi bên theo đúng pháp luật thì giữa anh H và giám đốc công ty X phải làm gì?

- A. Tự thỏa thuận về tiền lương.
- B. Kí kết hợp đồng lao động.
- C. Trao đổi về nội dung công việc.
- D. Bàn bạc về thời gian làm việc.

Câu 37: Ông M đã bàn với vợ bán xe ô tô để đầu tư vào việc mở rộng trang trại chăn nuôi của gia đình. Việc làm của ông M thể hiện sự bình đẳng trong quan hệ nào giữa vợ và chồng?

- A. Trong quan hệ lao động.
- B. Trong quan hệ hôn nhân.
- C. Trong quan hệ tài sản.
- D. Trong quan hệ nhân thân.

Câu 38: Anh D do nghi ngờ vợ mình có quan hệ tình cảm với người khác nên thường xuyên kiểm tra nội dung tin nhắn và các cuộc gọi trong điện thoại của vợ. Việc làm của anh D vi phạm quyền bình đẳng trong quan hệ nào giữa vợ chồng?

- A. Trong quan hệ tinh thần.
- B. Trong quan hệ nhân thân.
- C. Trong quan hệ xã hội.
- D. Trong quan hệ tài sản.

Câu 39: Chị T đã có chồng và 2 đứa con. Trước khi mất, ông nội chị T để lại di chúc là cho chị 200 mét vuông đất vườn của ông. Tài sản trên theo quy định của pháp luật thuộc quyền sở hữu của người nào dưới đây?

- A. Vợ, chồng chị T.
- B. Chị T.
- C. Cả gia đình chị T.
- D. Hai con chị T.

Câu 40: Hưng đủ 18 tuổi và đã tốt nghiệp trung học phổ thông. Hưng tham dự khóa ngắn hạn về nghiệp vụ kinh doanh và có ý định thành lập doanh nghiệp tư nhân. Hưng đem nộp hồ sơ đăng kí kinh doanh lên Ủy ban nhân dân huyện thì anh cán bộ tiếp nhận hồ sơ lại giải thích Hưng chưa đủ tuổi để được cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh. Theo em, Hưng cần làm gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình?

- A. Nói cho cha mẹ và bạn bè biết sự việc.
- B. Rút lại hồ sơ và bỏ ý định kinh doanh.
- C. Gửi đơn khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.
- D. Tiếp tục nộp hồ sơ đăng kí kinh doanh lên Ủy ban nhân dân tỉnh.

Câu 41: Mỗi lần uống rượu say, anh S (ở tại xã V) thường xuyên về nhà chửi mắng và đánh đập vợ mình là chị H. Nếu là em của chị H, em sẽ làm gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị mình?

- A. Im lặng và không có hành động gì.
- B. Gửi đơn tố cáo đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V.
- C. Báo cho trưởng thôn biết.
- D. Báo cho cha mẹ mình biết.

Câu 42: Anh L được giám đốc công ty P nhận vào làm việc. Ngày đầu tiên anh làm việc trong 8 giờ. Ngày tiếp theo anh làm việc trong 10 giờ và nội dung công việc khác ngày thứ nhất. Nếu muốn tiếp tục làm việc và để bảo đảm sự bình đẳng trong quan hệ lao động với công ty P, thì anh L nên làm gì?

- A. Thương lượng với giám đốc công ty P về thời gian làm việc.
- B. Nói cho giám đốc công ty P biết về chuyên môn của mình.
- C. Nêu một số yêu cầu của mình cho giám đốc công ty P biết.
- D. Đề nghị giám đốc công ty P cùng với mình kí kết hợp đồng lao động.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 4.

1-C	2-A	3-C	4-B	5-D	6-A	7-B	8-A
9-B	10-B	11-C	12-A	13-B	14-A	15-A	16-C
17-C	18-A	19-D	20-B	21-C	22-C	23-D	24-C
25-C	26-B	27-A	28-D	29-C	30-D	31-C	32-D
33-B	34-C	35-D	36-B	37-C	38-B	39-B	40-C
41-B	42-D	-	-	-	-	-	-

ĐÀ NẴNG

Bài 5: QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO.

Câu 1: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc được hiểu là

- A. các dân tộc được Nhà nước và pháp luật tôn trọng và bảo vệ.
- B. các dân tộc được Nhà nước bảo đảm quyền bình đẳng.
- C. các dân tộc được Nhà nước và pháp luật tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện phát triển.
- D. dân tộc thiểu số được tạo điều kiện phát triển.

Câu 2: Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng quyền bình đẳng giữa các dân tộc trong lĩnh vực kinh tế

- A. Nhà nước phải bảo đảm để công dân của tất cả các dân tộc đều có mức sống như nhau.
- B. Đảng và Nhà nước có chính sách phát triển kinh tế bình đẳng, không có sự phân biệt giữa dân tộc thiểu số và dân tộc đa số.
- C. mỗi dân tộc đều phải tự phát triển theo khả năng của mình.
- D. Nhà nước phải bảo đảm để không có sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng miền, giữa các dân tộc.

Câu 3: Quyền bình đẳng giữa các tôn giáo được hiểu là

- A. Các tôn giáo đều có thể hoạt động theo ý muốn của mình.
- B. Các tôn giáo đều có quyền hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.
- C. Các tôn giáo được Nhà nước đối xử khác nhau tùy theo quy mô hoạt động và ảnh hưởng của mình.
- D. Nhà nước phải đáp ứng mọi yêu cầu của các tôn giáo.

Câu 4: Trong lĩnh vực chính trị, quyền bình đẳng giữa các dân tộc được thể hiện ở

- A. quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
- B. quy ước, hương ước của thôn, bản.
- C. phong tục, tập quán của địa phương.
- D. truyền thống của dân tộc.

Câu 5: Trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, quyền bình đẳng giữa các dân tộc được thể hiện

- A. Người dân tộc Kinh được quan tâm phát triển về mọi mặt.
- B. Công dân thuộc các dân tộc khác nhau ở Việt Nam đều được Nhà nước tạo mọi điều kiện để được bình đẳng về cơ hội học tập.
- C. Người ở thành phố và thị xã được quan tâm hơn.
- D. Truyền thống, phong tục của dân tộc thiểu số cần phải loại bỏ.

Câu 6: Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong hợp tác giao lưu giữa các dân tộc

- A. các bên cùng có lợi.
- B. bình đẳng.
- C. đoàn kết giữa các dân tộc.
- D. tôn trọng lợi ích của các dân tộc thiểu số.

Câu 7: Dân tộc được hiểu theo nghĩa là

- A. một dân tộc ít người.
- B. một dân tộc thiểu số.
- C. một bộ phận dân cư của một quốc gia.
- D. một cộng đồng có chung lãnh thổ.

Câu 8: Tôn giáo được biểu hiện qua

- A. các đạo khác nhau.
- B. các tín ngưỡng.
- C. các hình thức lễ nghi.
- D. các hình thức tín ngưỡng có tổ chức.

Câu 9: Số lượng các dân tộc cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam là

- A. 54.
- B. 55.
- C. 56.
- D. 57.

Câu 10: Yếu tố quan trọng để phân biệt sự khác nhau giữa tín ngưỡng với mê tín dị đoan là

- A. cách thức tổ chức.
- B. nguồn gốc.
- C. hậu quả xấu để lại.
- D. nghi lễ.

Câu 11: Xem bói là hành vi thể hiện

- tín ngưỡng của mỗi người.
- mê tín dị đoan.
- hoạt động tôn giáo
- niềm tin biết trước tương lai

Câu 12: Hành vi nào sau đây thể hiện mê tín dị đoan

- A. chữa bệnh bằng bùa phép.
- B. thờ cúng tổ tiên.
- C. kính Chúa yêu nước.
- D. không sát sinh để tránh tạo nghiệp ác.

Câu 13: Trong các hành vi sau, hành vi nào thể hiện việc bình đẳng giữa các tôn giáo

- A. khiêu khích, bôi nhọ niềm tin tín tưởng giữa các tôn giáo.
- B. các tăng, ni đi bỏ phiếu bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp .
- C. ngăn cấm kết hôn giữa hai người khác tôn giáo.
- D. ưu tiên nhận những người không có tôn giáo vào làm việc vì sợ phức tạp.

Câu 14: Trong các hành vi sau, hành vi nào **không** thể hiện việc bình đẳng giữa các tôn giáo?

- A. các tín đồ tôn giáo cùng góp ý cho dự thảo Hiến pháp 2013.
- B. Ngô Đình Diệm đàn áp các tín đồ Phật tử ở miền Nam Việt Nam.
- C. các tín đồ tôn giáo cùng nhau cứu trợ đồng bào bị lũ lụt.
- D. tăng ni, phật tử đi bỏ phiếu bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp.

Câu 15: Hành vi nào sau đây của học sinh là **đúng** trước khi tham gia kiểm tra học kì?

- A. Xin bùa chú cho kiến thức tự nhảy vô đầu.
- B. Học kĩ các kiến thức, tăng cường làm bài tập.
- C. Xin thần linh phù hộ cho ngồi cạnh bạn học giỏi để quay cóp.
- D. Đi xem bói để xin biết trước đề.

Câu 16: Việc làm nào dưới đây vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc?

- A. Nhà nước đặc biệt quan tâm phát triển kinh tế ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.
- B. Cộng điểm ưu tiên cho con em người dân tộc thiểu số trong các kì thi đại học.
- C. Các dân tộc ngoài ngôn ngữ phổ thông, có thể tự do sử dụng tiếng nói và chữ viết của riêng dân tộc mình.
- D. Chỉ cần tập trung phát triển kinh tế cho dân tộc chiếm đa số thì sẽ kéo được dân tộc thiểu số đi lên.

Câu 17: Hành vi nào sau đây **không** vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo?

- A. kì thị và gây chia rẽ dân tộc.
- B. phân biệt đối xử vì lí do tôn giáo.
- C. lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật.
- D. tôn trọng các tôn giáo hợp pháp mà mỗi công dân tham gia.

Câu 18: Trong lớp em có một bạn người dân tộc thiểu số mới chuyển đến. Bạn rất rụt rè và ít giao tiếp với mọi người. Em sẽ làm gì?

- A. Mặc kệ bạn, không cùng dân tộc, khác văn hóa nên không quan tâm.
- B. Lấy những cái khác biệt của bạn để chỉ trích, chê bai.
- C. Tìm hiểu những nét văn hóa hay của dân tộc bạn để giúp bạn tự tin và hòa đồng hơn.
- D. Ru các học sinh khác trêu chọc bạn vì bạn quá rụt rè.

Câu 19: Khi nói về nguồn gốc dân tộc Việt Nam, ông cha ta có truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên”, điều đó có ý nghĩa gì?

- A. Nói về sự tương tượng phong phú của ông cha.
- B. Nói về tín ngưỡng của cha ông.
- C. Để phân chia các dân tộc.
- D. Để tương trợ, giúp đỡ và đoàn kết với nhau.

Câu 20: Tập hợp những người cùng tin theo một hệ thống giáo lí, giáo luật, lễ nghi và tổ chức theo một cơ cấu nhất định được Nhà nước công nhận gọi là

- A. tổ chức tôn giáo.
- B. tổ chức xã hội.
- C. cơ quan Nhà nước.
- D. cơ sở tôn giáo.

Câu 21: Hành vi nào sau đây thể hiện tín ngưỡng?

- A. Thắp hương trước lúc đi xa.
- B. Yếm bùa.
- C. Không ăn trứng trước khi đi thi.
- D. Xem bói.

Câu 22: Khẩu hiệu nào sau đây phản ánh **không** đúng trách nhiệm của công dân có tín ngưỡng, tôn giáo đối với đạo pháp và đất nước?

- A. Kính chúa yêu nước.
- B. Buôn thần bán thánh.
- C. Tốt đời đẹp đạo.
- D. Đạo pháp dân tộc.

Câu 23: Các lĩnh vực của đời sống xã hội thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc là

- A. chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục.
- B. chính trị, quốc phòng, văn hoá, giáo dục.
- C. kinh tế, quốc phòng, văn hoá, giáo dục.
- D. kinh tế, văn hoá, khoa học, giáo dục.

Câu 24: Pháp luật Việt Nam nghiêm cấm mọi hành vi nào sau đây vi phạm quyền bình đẳng giữa các dân tộc?

- A. Li khai dân tộc.
- B. Kì thị và chia rẽ.
- C. Gây thù hằn.
- D. Gây mâu thuẫn.

Câu 25: Ở nước ta, cơ sở tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật, bình đẳng trước pháp luật, được pháp luật công nhận và bảo hộ là

- A. cơ sở tôn giáo tự do.
- B. cơ sở tôn giáo cũ, lâu đời.
- C. cơ sở tôn giáo hợp pháp.
- D. cơ sở tôn giáo mới.

Câu 26: Hình thức tín ngưỡng có tổ chức, với những quan niệm, giáo lí thể hiện sự tín ngưỡng và những hình thức lễ nghi thể hiện sự sùng bái tín ngưỡng ấy gọi là?

- A. Phật giáo.
- B. Tôn giáo.
- C. Lên đồng.
- D. Thiên chúa giáo.

Câu 27: Các tôn giáo ở Việt Nam đều có quyền tự do hoạt động tôn giáo trong khuôn khổ của pháp luật và bình đẳng trước pháp luật, được hiểu là

- A. quyền tự do giữa các tôn giáo.
- B. trách nhiệm pháp lý giữa các tôn giáo.
- C. nghĩa vụ giữa các tôn giáo.
- D. quyền bình đẳng giữa các tôn giáo.

Câu 28: Gia đình chị H ngăn cản việc kết hôn giữa chị với anh K, với lí do chị và anh K khác đạo là vi phạm quyền bình đẳng nào?

- A. Bình đẳng trong văn hóa.
- B. Bình đẳng giữa các tôn giáo.
- C. Bình đẳng trong lĩnh vực kinh tế.
- D. Bình đẳng trong quan hệ xã hội.

Câu 29: Công dân Việt Nam thuộc bất kì dân tộc nào đang sinh sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về

- A. quyền.
- B. lợi ích.
- C. quyền và nghĩa vụ.
- D. nghĩa vụ.

Câu 30: Pháp luật nước ta yêu cầu công dân có tôn giáo, không có tôn giáo cũng như giữa các công dân có tôn giáo phải đối xử với nhau như thế nào?

- A. Học hỏi lẫn nhau.
- B. Nhường nhịn lẫn nhau.
- C. Yêu quý lẫn nhau.
- D. Tôn trọng lẫn nhau.

Câu 31: Nguyên tắc quan trọng hàng đầu trong hợp tác, giao lưu giữa các dân tộc là

- A. bình đẳng giữa các dân tộc
- B. hợp tác giữa các dân tộc
- C. đoàn kết giữa các dân tộc.
- D. tương trợ giữa các dân tộc.

Câu 32: Nội dung nào sau đây thể hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo?

- A. Công dân có quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào.
- B. Công dân không được từ bỏ tín ngưỡng, tôn giáo mà mình đang theo.
- C. Công dân đã từng theo một tôn giáo nào đó thì không được gia nhập tôn giáo khác.
- D. Nếu đã từ bỏ tôn giáo đã từng theo thì không được quay trở lại.

Câu 33: Nội dung nào sau đây thể hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo?

- A. Nam – nữ theo các tôn giáo khác nhau không được kết hôn với nhau.
- B. Công dân đã từng theo một tôn giáo nào đó thì không được gia nhập tôn giáo khác.
- C. Công dân có quyền từ bỏ tín ngưỡng hay tôn giáo mà họ đã từng theo.
- D. Công dân có quyền làm theo bất kì điều gì theo yêu cầu của tổ chức tín ngưỡng, tôn giáo mà họ tham gia.

Câu 34: Nội dung nào sau đây thể hiện quyền bình đẳng giữa các tôn giáo?

- A. Chỉ kết hôn giữa những người cùng tín ngưỡng, tôn giáo.
- B. Các tôn giáo hợp pháp thì được hoạt động tự do mà không cần phải theo khuôn khổ của pháp luật.
- C. Đã là hoạt động của các tổ chức tôn giáo hợp pháp thì không cần thiết phải có sự giám sát của Nhà nước.
- D. Thực hiện tự do tín ngưỡng, tôn giáo là thể hiện sự tôn trọng cá nhân của mỗi người.

Câu 35: Việc làm nào sau đây thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc?

- A. Cần quan tâm lưu giữ và phát triển những nét văn hoá của một số dân tộc đông người.
- B. Ưu tiên cộng điểm cho các con em người dân tộc thiểu số trong các kì thi đại học.
- C. Trong bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, các dân tộc bằng nhau thì có số lượng đại biểu như nhau.
- D. Nhà nước cần để mỗi dân tộc tự mình phát triển.

Câu 36: Việc làm nào sau đây thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc?

- A. Không cần thiết phải giữ gìn , phát huy nét văn hoá của các dân tộc quá ít người.
- B. Phát huy nét văn hoá tốt đẹp của từng dân tộc để tạo nên tính thống nhất và đa dạng cho nền văn hoá Việt Nam.
- C. Các dân tộc chỉ được sử dụng ngôn ngữ phổ thông.
- D. Khi tổ chức trưng cầu dân ý, chỉ cần biểu quyết của các dân tộc chiếm đa số.

Câu 37: Việc làm nào sau đây **không** thể hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc?

- A. Ngoài tiếng phổ thông, các dân tộc có thể tự do sử dụng tiếng nói và chữ viết của riêng dân tộc mình.
- B. Ưu tiên cho các con em người dân tộc thiểu số trong các kì thi đại học.
- C. Lấy ý kiến biểu quyết của các dân tộc chiếm đa số khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.
- D. Nhà nước ban hành các chương trình phát triển kinh tế - xã hội đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Câu 38: Pháp luật nước ta quy định đồng bào theo đạo có trách nhiệm sống như thế nào?

- A. tốt đời đẹp đạo.
- B. trung thành với đức tin.
- C. tuân thủ giới luật.
- D. kính chúa yêu nước.

Câu 39: Tại điều 24, Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013, đối với quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, Nhà nước có trách nhiệm như thế nào?

- A. Để tự do phát triển.
- B. Bảo đảm hoạt động tôn giáo.
- C. Tôn trọng và bảo hộ.
- D. Tạo điều kiện phát triển tối đa.

ĐÁP ÁN CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 5.

1-C	2-B	3-B	4-A	5-B	6-B	7-C	8-D
9-A	10-C	11-B	12-A	13-B	14-B	15-B	16-D
17-D	18-C	19-D	20-A	21-A	22-B	23-A	24-B
25-C	26-B	27-D	28-B	29-C	30-D	31-A	32-A
33-C	34-D	35-B	36-B	37-C	38-A	39-C	-

ĐÀ NẴNG